

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/02/2012 và Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 30/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị 19/CT-TTg ngày 30/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/1998/CT-TTg ngày 02/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản và tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong thời gian tới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 88/2014/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 04/7/2014 của liên Bộ: Tài chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 10230/TB-BNN-VP ngày 08/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ý kiến kết luận của Thứ trưởng Vũ Văn Tám tại Hội nghị Sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản; giải pháp quản lý, phát triển hệ thống khu bảo tồn biển tại Việt Nam.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 15/TTr -SNN ngày 23 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/02/2012 và Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 30/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch này đến kết quả cuối cùng để bảo vệ và phát triển nguồn lợi

thủy sản bền vững; thực hiện chế độ báo cáo tình hình và kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Tổng cục Thủy sản (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực các Huyện ủy, Thị ủy Gia Nghĩa;
- Các Tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Các các quan Báo, Đài trên địa bàn tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, TH, KTKH, NN (Hu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Hải

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/02/2012 và Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 30/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 201 /QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC TIÊU

- Bảo tồn, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản là nhằm phục hồi nguồn lợi thủy sản, các loài có giá trị kinh tế và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các loài thủy sản bản địa quý hiếm; gắn với quản lý có hiệu quả các hoạt động khai thác thủy sản nhằm phát triển ngành khai thác thủy sản bền vững, đa dạng sinh học của tài nguyên sinh vật là nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

- Phục hồi nguồn lợi thủy sản tại các sông, suối, hồ chứa và các vùng đất ngập nước như điều chỉnh cường lực khai thác và cải thiện môi trường sống của các loài thủy sản bằng các giải pháp tuyên truyền, giáo dục, thực hiện nghiêm quy định của pháp luật, kết hợp với kế hoạch thả bổ sung con giống nhân tạo hàng năm, nhằm tăng cường khả năng tái tạo, phục hồi mật độ các giống loài thủy sản đã bị khai thác quá mức. Phấn đấu đến năm 2020, thả khoảng 179.000 con giống các loài Cá truyền thống (cá trắm cỏ, cá chép, cá trôi), cá bản địa (cá lăng, cá chình, cá thát lát).

- Nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư về tầm quan trọng, khả năng tái tạo có điều kiện các nguồn tài nguyên thiên nhiên, xác định rõ vai trò, trách nhiệm của toàn dân, nhất là ngư dân trong việc tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước và trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, các cấp về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh. Hình thành mối liên kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước với các đoàn thể quần chúng trong vận động nhân dân có ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

II. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN TỈNH ĐẮK NÔNG TRONG NĂM 2017

Tỉnh Đắk Nông tổng diện tích mặt nước khoảng 17.000 ha, bao gồm: Diện tích mặt nước là hồ chứa, hồ thủy điện (2.670 ha), diện tích mặt nước là sông, suối (13.330 ha). Trong đó có hệ thống sông suối chính như: Sông Sêrêpôk, Sông Krông Nô, Sông Đồng Nai, Suối Đăk R'tih, Suối Đắk Nông, Suối Đắk Rung; các hồ thủy điện (Đồng Nai 3, Đồng Nai 4, Đăk R'tih) và các hồ chứa thủy lợi là nơi cung cấp nguồn thủy sản rất lớn, tạo sinh kế cho người dân trong vùng thủy vực.

Nghề khai thác thủy sản ở tỉnh Đắk Nông là nghề cá nội địa quy mô nhỏ, dựa trên sự tổ chức khai thác của từng hộ gia đình. Ngư cụ khai thác rất đa dạng và phong phú tùy theo điều kiện cụ thể của từng thủy vực (lưới các loại, vó, lừ,... nhiều hộ dân còn sử dụng trái phép kích điện, nổ mìn để khai thác). Hoạt động khai thác ở các hồ diễn ra quanh năm, một số hành vi mang tính tận diệt. Sản lượng, đối tượng thủy sản khai thác thay đổi liên tục tùy thuộc vào nhiều yếu tố như loại hình thủy vực, mùa vụ khai thác, kinh nghiệm đánh bắt và ngư cụ khai thác.

Khu hệ cá trên địa bàn tỉnh rất phong phú, đa dạng, nhưng hiện nay vẫn chưa có thống kê đầy đủ về các loài thủy sản. Ngoài các đối tượng cá truyền thống còn nhiều loài cá bản địa có giá trị kinh tế cao phân bố tại các sông, suối, hồ, ruộng như cá Lăng đuôi đỏ, cá Chình, cá Mỡm trâu, cá Thát lát... Tuy nhiên, các đối tượng thủy sản này ngày càng suy giảm về sản lượng và trọng lượng cá, rất ít bắt gặp khi đánh bắt, đặc biệt cá Mỡm trâu, cá Anh vũ trong các năm gần đây không còn bắt gặp khi khai thác. Tình đó là nguy cấp, ảnh hưởng rất lớn đến việc phát triển bền vững. Trong thời gian tới cần phải bảo tồn, tái tạo và bảo vệ các đối tượng quý hiếm này. Tình trạng khai thác thủy sản bằng các ngư cụ cấm, chất nổ, xung điện vẫn diễn ra nghiêm trọng; khai thác không đúng mùa vụ và kích thước cho phép làm suy giảm nghiêm trọng nguồn lợi thủy sản tự nhiên nhưng công tác kiểm tra, kiểm soát chưa được thực hiện, trách nhiệm còn thấp, xử lý chưa nghiêm.

Để bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản tự nhiên, mặc dù hàng năm các đơn vị, địa phương đã có kế hoạch và tổ chức thả cá tại các hồ thủy lợi, thủy điện, sông suối, thủy vực tự nhiên để tái tạo nguồn lợi thủy sản tự nhiên, nhưng còn ít và hiệu quả còn thấp.

III. CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Điều tra nguồn lợi thủy sản toàn tỉnh

Điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng nội địa, trong đó ưu tiên điều tra tại các lưu vực sông, suối, hồ chứa lớn, có các giống loài thủy sản đặc hữu, có tính đa dạng sinh học cao, khu vực tập trung các bãi giống, bãi đẻ của các loài thủy sản. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn lợi thủy sản phục vụ công tác quản lý và dự báo. Trên cơ sở kiểm tra hiện trường để có giải pháp hữu hiệu bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản bền vững.

2. Ngăn chặn sự suy giảm nguồn lợi

Nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan chức năng, UBND các cấp Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm, kịp thời các hoạt động khai thác thủy sản vi phạm pháp luật, đặc biệt là các hoạt động khai thác mang tính hủy diệt như: dùng chất nổ, chất độc, xung điện khai thác thủy sản; sử dụng các loại ngư cụ có mắt lưới nhỏ hơn quy định; sử dụng các loại ngư cụ có mắt lưới nhỏ hơn quy định; khai thác các loài thủy sản quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng: cá Mỡm trâu, cá Anh vũ...; các loài thủy sản ngoài còn non.

3. Phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản

Hàng năm, thả giống loài thủy sản bổ sung vào một số thủy vực tự nhiên nhằm khôi phục nguồn lợi, tăng mật độ quần thể các loài thủy sản đã bị khai thác cạn kiệt, ổn định quần xã sinh vật thủy sinh trong các thủy vực đặc biệt những loài thủy sản bản địa, quý hiếm, loài có giá trị kinh tế và nghiên cứu khoa học. Khôi phục và bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản, đặc biệt là các bãi sinh sản, khu bảo vệ thủy sản, nơi tập trung các loài thủy sản còn non, nơi cư trú của các giống loài thủy sản.

4. Bảo tồn nguồn lợi thủy sản

Thiết lập khu bảo tồn thiên nhiên đa dạng thủy sinh vật vùng cửa sông, thượng nguồn sông nhằm khôi phục sinh cảnh, tạo môi trường tập trung thủy sản còn non, nơi cư trú an toàn để sinh trưởng và sinh sản của các loài thủy sinh vật có giá trị khoa học, kinh tế cao như cá Lăng, cá Anh vũ, cá Mỡm trâu,... góp phần cung cấp nguồn giống tự nhiên cho khu vực. Phần đầu, đến năm 2020, hoàn thành Quy hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện 01 khu bảo tồn thủy sản nội địa cấp tỉnh.

Xây dựng mô hình đồng quản lý nghề cá: Nâng cao ý thức quản lý cộng đồng đối với ngư dân cùng một loại nghề khai thác thủy sản, đồng thời thực hiện tốt các hoạt động cơ bản như hỗ trợ nhau về kỹ thuật, tương trợ khi gặp sự cố hoặc thiên tai, giám sát thực thi pháp luật, thiết lập cầu nối giữa đại diện ngư dân với ngành chủ quản, quản lý tốt về phát triển và vận động sự đóng góp và tham gia công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản nhằm gắn với trách nhiệm cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ nguồn lợi, môi trường sống của các loài thủy sản và xây dựng nông thôn mới.

5. Các dự án, đề án, hoạt động ưu tiên thực hiện Kế hoạch

(Theo phụ lục danh mục Dự án, hoạt động ưu tiên kèm theo kế hoạch)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về tổ chức quản lý, khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản và cơ chế, chính sách

Kiện toàn, lồng ghép và tổ chức thực hiện tốt Ban chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản với Ban Chỉ đạo Chương trình bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh từ tỉnh đến cấp huyện, thị xã.

Phân vùng và phân cấp quản lý cho các địa phương tổ chức quản lý nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sinh vật gắn với phát triển nuôi trồng thủy sản và các ngành nghề dịch vụ khác.

Xây dựng mô hình Đồng quản lý (Chi hội nghề cá - hoạt động trên cơ sở tự thu tự chi) nhằm giám sát thực thi pháp luật, thiết lập cầu nối giữa đại diện ngư dân với ngành chủ quản, quản lý tốt về phát triển và vận động sự đóng góp và tham gia công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý kiên quyết các vi phạm về khai thác và bảo vệ thủy sản: việc buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng chất nổ, xung điện, các ngư cụ bị cấm sử dụng trong khai thác thủy sản; việc bảo tồn,

tái tạo, phát triển nguồn lợi, bảo vệ các loài thủy sản, đặc biệt là các loài thủy sản quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng và các loài thủy sản cấm khai thác. Thực hiện thanh, kiểm tra việc sử dụng xung điện ở các vùng nước nội đồng, sông suối, hồ chứa.

Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản và Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Đẩy mạnh công tác tái tạo, bổ sung giống thủy sản ra các thủy vực tự nhiên: giai đoạn đầu tập trung thả bổ sung một số loài cá bản địa, loài có giá trị kinh tế nhằm khôi phục nguồn lợi, tăng mật độ quần thể các loài đã bị khai thác cạn kiệt tại các lưu vực sông và các hồ chứa thủy điện, hồ thủy lợi trên toàn tỉnh.

Thực hiện tốt Chương trình phối hợp thả giống phóng sinh với Giáo hội Phật giáo tỉnh Đắk Nông.

2. Nâng cao kiến thức cho ngư dân, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản cấp xã, tăng cường phối hợp tuyên truyền giáo dục ý thức chấp hành pháp luật về thủy sản

Cùng với việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đồng thời tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ cấp huyện, xã và ngư dân về pháp luật trong lĩnh vực thủy sản, về lợi ích của việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản đối với đời sống của cộng đồng dân cư.

Xây dựng chương trình truyền thông về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên các phương tiện thông tin đại chúng. In ấn, phát hành tranh ảnh, áp phích, tờ rơi và các cụm panô cố động tuyên truyền về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Huy động các tổ chức chính trị xã hội: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi... tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

3. Về khoa học, công nghệ và khuyến ngư

Nghiên cứu, lựa chọn giống bố, mẹ và hoàn thiện quy trình sản xuất giống nhân tạo một số loài thủy sản có giá trị kinh tế, loài thủy sản bản địa đặc hữu nhằm bổ sung nguồn giống thủy sản phục vụ công tác tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, phục hồi mật độ quần thể một số giống loài đang bị tập trung khai thác và có nguy cơ tuyệt chủng.

Triển khai đề tài nghiên cứu khoa học về các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng nhằm bổ sung thông tin về đặc điểm sinh học, sinh thái, biến động quần thể, đề xuất loại hình bảo vệ thích hợp.

4. Về hợp tác quốc tế, quốc gia

Tham quan, học tập, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm về công tác quản lý các khu bảo tồn, về điều tra, nghiên cứu nguồn lợi với các tỉnh bạn.

Tích cực hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước trong học tập kinh nghiệm và thông qua các tổ chức này kêu gọi sự giúp đỡ, tài trợ về kinh nghiệm và kinh phí, kỹ thuật khi có điều kiện.

5. Về cơ chế tài chính

5.1. Dự toán trình Ngân sách Trung ương thực hiện các công việc: Kinh phí cho công tác điều tra, nghiên cứu nguồn lợi thủy sản; xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ cho địa phương đầu tư xây dựng các hạng mục thiết yếu của khu bảo tồn vùng nước nội địa.

5.2. Ngân sách tỉnh cùng với hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thực hiện bảo đảm kinh phí cho các hoạt động của các dự án, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch do tỉnh Đắk Nông thực hiện; đầu tư xây dựng và điều phối quản lý hệ thống các Khu Bảo vệ thủy sản.

5.3. Ngân sách cấp huyện cùng với hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh thực hiện bảo đảm kinh phí cho các hoạt động của các dự án, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch do cấp huyện thực hiện.

5.4. Các nguồn vốn huy động khác: Huy động và kêu gọi tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để triển khai các nội dung, dự án của Kế hoạch.

V. KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí: **2.337.000.000 đồng** (bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Từ Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn);

- Từ Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 1.552.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi hai triệu đồng chẵn);

- Từ xã hội hóa: 395.000.000 đồng (ba trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Tham mưu UBND tỉnh kiện toàn, lồng ghép Ban chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản với Ban Chỉ đạo Chương trình bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh từ tỉnh đến cấp huyện, thị xã. Hoàn thành trong tháng 02/2018.

- Giao và phân công cho 01 đơn vị trực thuộc làm đầu mối giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động cụ thể và phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả.

stn

- Tham mưu cho UBND tỉnh quy định cụ thể về xử phạt đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản không đúng quy định.

- Hướng dẫn các UBND các huyện, thị xã xây dựng Kế hoạch cụ thể thực hiện Kế hoạch này; xây dựng mô hình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm hàng năm, kịp thời nhân rộng các mô hình tốt; củng cố và tăng cường năng lực hoạt động của các cơ quan nghiên cứu, các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện, tổng hợp tình hình và kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

Căn cứ Kế hoạch này, chỉ đạo các xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể ở địa phương; lập và tổ chức thực hiện các dự án cụ thể; phối hợp với các Sở, ngành và các nhà tài trợ thu hút nguồn vốn và hỗ trợ kỹ thuật nhằm thực hiện có hiệu quả các hoạt động của Kế hoạch.

Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nhận thức đầy đủ, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đấu tranh, tố giác các hành vi sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các loại chất nổ, chất độc, xung điện để khai thác thủy sản.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính:

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hàng năm từ ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị theo khả năng ngân sách để thực hiện Kế hoạch.

Riêng kinh phí của UBND các huyện, thị xã thực hiện theo phân cấp quản lý hiện hành.

4. Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể:

Căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng của đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của kế hoạch.

Vận động, tuyên truyền giáo dục đoàn viên, hội viên tích cực tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản; nêu cao tinh thần đấu tranh, ngăn chặn các hành vi về sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các loại chất nổ, chất độc, xung điện để khai thác thủy sản. me

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG ƯU TIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục	Mục tiêu	Các nhiệm vụ chính	Địa điểm	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kinh phí thực hiện				Giai đoạn	Ghi chú
							Nguồn vốn	Tổng	NS TW	NS ĐP		
1	Dự án tập huấn, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức đồng về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Nâng cao nhận thức cho cán bộ cấp huyện, thị xã, xã, phường và ngư dân về pháp luật trong lĩnh vực thủy sản, lợi ích của việc bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản đối với chính cộng đồng ngư dân cũng như toàn xã hội, từng bước xã hội hoá công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản.	<ul style="list-style-type: none"> Đưa tin bài về bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên đài phát thanh, truyền hình và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Xây dựng các cụm Panô tuyên truyền ở các vùng trọng điểm; In tranh cổ động, tờ rơi tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. 	toàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã; Các Sở, ban, ngành có liên quan.	Sự nghiệp môi trường (NSTW hỗ trợ địa phương)	250	250	2018-2020	Điểm d, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 88/2014/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 04/7/2014	

TT	Danh mục	Mục tiêu	Các nhiệm vụ chính	Địa điểm	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kinh phí thực hiện				Giai đoạn	Ghi chú
							Nguồn vốn	Tổng	NSTW	NSDP		
2	Dự án Điều tra nguồn lợi thủy sản nội đồng tỉnh Đắk Nông	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn lợi thủy sản phục vụ công tác quản lý và dự báo.	Điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng nội địa, trong đó ưu tiên điều tra tại các lưu vực sông, suối, hồ chứa lớn, có các giống loài thủy sản đặc hữu, có tính đa dạng sinh học cao, khu vực tập trung các bãi giống, bãi đẻ của các loài thủy sản. Xây dựng báo cáo kết quả điều tra. Tổ chức hội thảo đánh giá và đề ra các giải pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản của tỉnh.	toàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã; Các Sở, ban, ngành có liên quan.	Sự nghiệp môi trường (NSTW: hỗ trợ điều tra thủy vực có nguồn cá quý hiếm, cá bản địa có nguy cơ tuyệt chủng)	100	40	60	2018-2020	Điểm c, khoản 2, Điều 4 và điểm c, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 88/2014/TT-LT-BTC- BNNPTNT ngày 04/7/2014.
3	Thả giống nhân tạo các sông, suối, hồ chứa	Phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản đã bị khai thác cạn kiệt, bằng cách tăng cường nguồn giống bổ sung cho tự nhiên.	Thả giống các loài cá truyền thống, các loài thủy sản bản địa (cá Lăng, cá Chình, cá Thát lát,...), cá rô phi: đến năm 2020, thả khoảng 179.000 con cá giống các	Các hồ chứa và sông (suy giảm nguồn lợi)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã; Giáo hội Phật giáo tỉnh; các ngành, các doanh	Sự nghiệp kinh tế/ ngân sách tỉnh hỗ trợ xã hội hóa	710	315	395	2018-2020	điểm b, khoản 1, Điều 5; Thông tư số 88/2014/TT-LT-BTC- BNNPTNT ngày 04/7/2014.

TT	Danh mục	Mục tiêu	Các nhiệm vụ chính	Địa điểm	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kinh phí thực hiện				Giai đoạn	Ghi chú
							Nguồn vốn	Tổng	NSTW	NSDP		
4	Khảo sát, lập quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn thủy sản nội địa cấp tỉnh và lấy ý kiến các đơn vị liên quan;	Bảo tồn nguồn lợi thủy sản có nguy cơ tuyệt chủng, bảo vệ bãi sinh sản.	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng đề cương chi tiết Dự án Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn thủy sản nội địa cấp tỉnh và lấy ý kiến các đơn vị liên quan; Khảo sát địa điểm xây dựng Khu bảo tồn; Tổ chức hội thảo Tổ chức thẩm định Hoàn chỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt 	toàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đơn vị tư vấn và các Sở, Ban, ngành có liên quan.	Sự nghiệp kinh tế (NS tỉnh)	850	850		2019-2020	điểm a, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 88/2014/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 04/7/2014
5	Tăng cường phòng chống khai thác thủy sản trái phép (tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh)	Kiểm soát, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản; bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh trong thời gian tới; ngăn chặn triệt để việc sử dụng xung điện để đánh bắt thủy sản trên các sông suối, hồ chứa, vùng nước nội đồng trong thời gian gần nhất.	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường phối hợp với Công an tỉnh (Cảnh sát giao thông đường thủy) tuần tra, kiểm soát an toàn, an ninh trong hoạt động đánh bắt, khai thác thủy sản. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành (bao gồm: Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, Sở Công thương, Công an tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thị xã) và tổ chức các kiểm tra, kiểm soát, xử lý 	Các hồ chứa, sông, suối và vùng nội đồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở TN&MT, Sở Công thương, Công an tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thị xã	Sự nghiệp môi trường (NS tỉnh)	177	177		2018-2020	Mục 11, Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 30/7/2014

TT	Danh mục	Mục tiêu	Các nhiệm vụ chính	Địa điểm	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kinh phí thực hiện				Giai đoạn	Ghi chú	
							Nguồn vốn	Tổng	NSTW	NSDP			Khác
			vi phạm (nếu có).										
6	Dự án Xây dựng đồng quản lý nghề cá	Cải tiến công tác quản lý nghề cá, từng bước đưa công tác quản lý nghề cá về cho cộng đồng ngư dân vùng ven sông, hồ chứa, vừa khai thác hợp lý vừa bảo vệ phát triển nguồn lợi gắn với lợi ích của cộng đồng Đến năm 2020, thành lập 01 Chi hội nghề cá có sự tham gia cộng đồng dân cư để quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền các văn bản pháp quy về Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; tổ chức các tổ tự quản, tổ quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo các địa bàn thôn, xã; nâng cao trách nhiệm của các cộng đồng	Huyện Krông Nô, Đăk Glong, Cư Jút	Số Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện và UBND các xã có liên quan; đơn vị tư vấn	Sự nghiệp môi trường (NSTW hỗ trợ)	250	100	150	2019-2020	Điểm đ, khoản 2, Điều 4 và điểm đ, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 88/2014/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 04/7/2014 (chi hỗ trợ thành lập, sau khi thành lập sẽ hoạt động tự thu tự chi)	
			TỔNG					2.337	390	1.552	395		

(Hai tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu đồng)

